Ký bởi: Bộ Khoa học và Công nghệ
Ngày ký: 27-05-2024 17:25:42 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1701/TTr-BKHCN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Thông báo số 48/TB-VPCP ngày 07/02/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thường trực Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ Đề nghị xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (Luật KH&CN 2013) được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 bao gồm 11 chương, 81 điều. Luật KH&CN 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Trong hơn 10 năm qua, Luật KH&CN 2013 đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý cơ bản và quan trọng cho việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN. Đây là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN; phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức KH&CN công lập trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm; thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN; đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; chuyển các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phương thức khoán chi trong nghiên cứu khoa học; phát triển các doanh nghiệp KH&CN, các quỹ trong lĩnh vực KH&CN; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân lực, nhân tài KH&CN; thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước; tích cực và chủ động mở rộng hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST). Trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của lực lượng KH&CN, những năm qua, KH&CN đã có những bước tiến tích cực, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Các thành tựu nổi bật, đóng góp của nền KH&CN vào phát triển nhanh và bền vững đất nước được minh chứng thông qua các con số thống kê sau đây:

(1) Chỉ số đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 45,2% giai đoạn 2016-2020;

(2) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 5,8%/năm (cao hơn mức 4,3%/năm của giai đoạn 2011-2015);

(3) Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020;

(4) Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 54/100 quốc gia[1] trong bảng xếp hạng về hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu; năm 2023 đứng thứ 46/132 quốc gia[2] về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII);

(5) Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (KNST) Việt Nam bắt đầu được hình thành và phát triển, hết năm 2023, cả nước có khoảng 3.800 doanh nghiệp KNST (startup) đang hoạt động, trong đó có 11 doanh nghiệp được định giá trên 100 triệu đô la Mỹ (USD); hơn 200 không gian làm việc chung; 84 cơ sở ươm tạo (43 trường thành lập vườn ươm, trung tâm, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp, 41 vườn ươm thuộc tư nhân); 35 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 208 quỹ đầu tư mạo hiểm với 40 quỹ đầu tư nội địa, 03 kỳ lân công nghệ với tổng vốn đầu tư mạo hiểm 494 triệu USD, 138 trường đại học, học viện, cao đẳng tổ chức các hoạt động hỗ trợ KNST. Hệ sinh thái KNST Việt Nam từng bước thu hút được sự quan tâm từ phía các nhà đầu tư, đặc biệt từ nguồn ngoài nước.

(6) Số lượng bài báo công bố quốc tế[3] của Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 tăng trung bình 20%. Giai đoạn 2017-2022, tổng số bài báo của Việt Nam đăng trên tạp chí quốc tế là 83.539 bài, trong đó, năm 2022 đã tăng gần gấp ba lần so với đầu giai đoạn, từ 6.734 bài lên 18.587 bài, với tốc độ tăng trung bình trong cả giai đoạn là 29,33%. Một số lĩnh vực khoa học tự nhiên như: Toán học, Vật lý, Hóa học tiếp tục giữ thứ hạng cao trong khu vực ASEAN.

(7) Khoảng 10 năm trước đây, kinh phí hoạt động KH&CN chủ yếu dựa vào NSNN (chiếm khoảng 70-80% tổng đầu tư cho KH&CN), thì đến nay đầu tư cho KH&CN từ NSNN và từ doanh nghiệp đã tương đối cân bằng với tỷ lệ tương ứng là 52% và 48%. Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã tiên phong trong đầu tư, ứng dụng KH&CN.

(8) Trong giai đoạn 2016-2020, tổng số đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của người nộp đơn có quốc tịch Việt Nam là 3.882 đơn, gấp 1,2 lần giai đoạn 2011-2015. Theo thống kê của WIPO, năm 2021, trong khu vực ASEAN, Việt Nam vẫn duy trì được vị trí thứ 3 cả về tổng số đơn đăng ký sáng chế và về số lượng đơn đăng ký sáng chế do người dân trong nước nộp, sau

---

[1] Theo bảng xếp hạng hệ sinh thái startup các quốc gia năm 2022 của StartupBlink.
[2] Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2022 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO công bố
[3] Thống kê trên ISIKNOWLEDGE.

Singapore và Indonesia. Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người Việt Nam liên tục tăng trong nhiều năm qua, chẳng hạn trong giai đoạn 5 năm 2017-2021 tăng 80% (từ 592 đơn lên 1.066 đơn).

Với các tiến bộ trong cơ chế quản lý, tăng cường đầu tư cho tiềm lực và trình độ KH&CN, lực lượng KH&CN đã thực sự đồng hành cùng các cấp, các ngành và địa phương để bám sát thực tiễn, đóng góp ngày càng thiết thực hơn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luật KH&CN 2013 được ban hành trong bối cảnh đất nước ta mới trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) chưa lâu, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Vấn đề liên quan tới doanh nghiệp - chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động đổi mới sáng tạo - ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, tạo ra giá trị gia tăng và của cải, vật chất cho xã hội dù đã được đề cập trong Luật nhưng mới chỉ dừng ở nguyên tắc chung. Sau 10 năm triển khai, bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Luật được ban hành từ năm 2013 nên không thể tránh khỏi việc chưa thể hiện được các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển khoa học công nghệ; cập nhật những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh.

Việc nghiên cứu, sửa đổi Luật KH&CN 2013 dựa trên các cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn sau:

1. Về cơ sở chính trị

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN; thu hút đầu tư từ xã hội để phát triển KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả, tính tự chủ cho các tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN; phát triển đội ngũ trí thức cần được thể chế hóa đầy đủ vào nội dung Luật KH&CN (sửa đổi), cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Về quan điểm chỉ đạo: *"Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững".*

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: *"Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo,*

nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững".

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định KH,CN&ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Về quan điểm phát triển: *"Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số."*. Về đột phá chiến lược: *"Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam."*. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *"Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới."*

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định*: "Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh"; "Rà soát, sửa đổi các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ."*

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: *"Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo."*

đ) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *"Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công*

nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cácbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo."

e) Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ: *"Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức; đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức tiên tiến. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở giáo dục đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học; nghiên cứu, sửa đổi tuổi lao động phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức. Đổi mới, nâng cao hiệu quả việc đánh giá, công nhận các chức danh khoa học; rà soát, hoàn thiện hệ thống giải thưởng nhà nước, giải thưởng ngành, lĩnh vực và các chính sách tôn vinh khác đối với đội ngũ trí thức."*

g) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *"Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ".*

h) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *"Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đấu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao,*

bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu".

i) Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã đề ra định hướng "*Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo.*"

k) Ngoài các văn bản nêu trên, nhiều Nghị quyết của Đảng liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, sắp xếp và nâng cao tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST cần được tiếp tục thể chế hóa trong nội dung của Luật KH&CN (sửa đổi).

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có nhiều nội dung trong Luật KH&CN hiện hành chưa thể hiện hết được các chủ trương, đường lối của Đảng, cần tiếp tục nghiên cứu để thể hiện cụ thể hơn trong Luật này.

2. Cơ sở pháp lý:

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

"1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ."

b) Sau khi Luật KH&CN 2013 được ban hành, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ), hoặc hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học (Luật Giáo dục đại học) và một phần hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trong

đó, nhiều quy định chưa đồng bộ với các nội dung của Luật KH&CN 2013, cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *"Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch."*

c) Kế hoạch số 81-KH/UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó có nội dung nghiên cứu, rà soát Luật Khoa học và Công nghệ, đề xuất đưa vào Chương trình năm 2022-2025.

d) Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, rà soát Luật KH&CN, xem xét đưa vào Chương trình năm 2022-2025.

Để phát triển ngành KH&CN, hoàn thiện các chính sách cụ thể hóa quy định của Hiến pháp và thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất sửa đổi toàn diện Luật KH&CN 2013.

3. Cơ sở thực tiễn

Quá trình triển khai thi hành Luật KH&CN 2013 cho thấy pháp luật hiện hành có một số nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn nhằm phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

Thứ nhất, nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố động lực của KH,CN&ĐMST ngày càng rõ nét đòi hỏi nhà nước cần có các cơ chế, chính sách phục vụ cho mục đích này. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đủ cơ chế thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho KH,CN&ĐMST.

Thứ hai, các tác động của hội nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong một thế giới phát triển mạnh mẽ, đột biến, nhất là về KH,CN&ĐMST đòi

hỏi các hành lang pháp lý; cơ chế chính sách phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, các làn sóng công nghệ mới phát triển nhanh chóng, mãnh liệt đòi hỏi chính phủ các nước phải luôn sẵn sàng điều chỉnh chính sách và thích ứng kịp thời.

Thứ tư, trên thực tế, đã xuất hiện nhiều khoảng trống pháp luật, nổi bật là:

- Triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp. liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

- Vấn đề đo lường kết quả, đánh giá hiệu quả và tác động của KH&CN phục vụ công tác kế hoạch, điều phối, cấp phát kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Vấn đề khoa học mở là xu thế được UNESCO khuyến nghị từ năm 2021. Để triển khai thực hiện, cần nghiên cứu giải pháp tăng cường trao đổi thông tin, thông qua hệ thống quản lý và chia sẽ dữ liệu nghiên cứu KH&CN dùng chung.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, trong đó quan trọng nhất là yêu cầu về bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, quyền con người trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp như một lực lượng chủ lực trong nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo của người dân thông qua các hoạt động truyền bá tri thức, nuôi dưỡng văn hóa ĐMST, văn hóa tôn trọng khoa học, văn hóa sở hữu trí tuệ; việc ghi nhận và tôn vinh; các thiết chế thúc đẩy truyền bá, cổ vũ sáng tạo như bảo tàng khoa học chưa có quy định hoặc chỉ dừng ở một số nội dung chưa cụ thể, rõ ràng để triển khai trong thực tiễn.

Thứ năm, bên cạnh các khoảng trống pháp luật, còn nhiều điều khoản cản trở trong pháp luật về KH&CN hiện hành ở Việt Nam:

- Vấn đề giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng NSNN cho cơ quan chủ trì theo cơ chế tự động: Nghị quyết Trung ương 20-NQ/TW và Luật KH&CN 2013 tuyên bố nguyên tắc mở về trao quyền học hỏi theo tinh thần luật Bayh-Dole của Hoa Kỳ 1981 và các nước Nhật Bản, Hàn Quốc. Tuy nhiên, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN 2013 những năm qua yêu cầu phải thông qua cơ chế xin phép đại diện chủ sở hữu nhà nước là Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022 đã có quy định về trao tự động quyền đăng ký xác lập quyền đối với kết quả KH&CN là đối tượng quyền sở hữu công nghiệp. Luật KH&CN (sửa đổi) cần nghiên cứu, bổ sung quy định giao quyền sử dụng đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

- Vấn đề đặt hàng nhiệm vụ KH&CN từ các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và trách nhiệm của chính các chủ thể này trong triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN trong khi doanh nghiệp là chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả KH&CN, biến nó trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Vấn đề tập trung nguồn lực chủ yếu cho các chương trình KH&CN để tạo ra tri thức (hệ thống các chương trình KH&CN trọng điểm, chương trình quốc gia về KH&CN, nhiệm vụ cấp bộ, cấp địa phương, cấp cơ sở), nhưng chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực thỏa đáng cho các chương trình ứng dụng tri thức (nhân rộng, thương mại hóa, đổi mới sáng tạo, tiếp cận thị trường, trung gian tư vấn - kết nối, nâng cao năng lực; khởi nghiệp sáng tạo;...) và lan tỏa, truyền bá tri thức (thông qua phát triển các tạp chí, viện bảo tàng, cơ sở dữ liệu mở về KH&CN).

- Vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động KH&CN (trao quyền tự chủ cho tổ chức KH&CN công lập; phân cấp quản lý các chương trình KH&CN quốc gia giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ chuyên ngành; giữa Trung ương và địa phương; kể cả các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở ở viện nghiên cứu/trường đại học) cần đi đôi với cơ chế kiểm soát thực hiện quyền một cách hiệu lực, hiệu quả hơn.

4. Nguyên nhân của các khó khăn, bất cập dẫn đến việc phát triển khoa học và công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu

Quá trình tổng kết triển khai thi hành Luật KH&CN 2013, bên cạnh những nguyên nhân xuất phát từ công tác tổ chức triển khai, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan cũng như nguyên nhân khách quan từ bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có một số nguyên nhân từ các quy định của Luật KH&CN 2013, cần được nghiên cứu để sửa đổi, hoàn thiện, cụ thể là:

Thứ nhất: Chưa cập nhật được những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh, nhất là trong khoảng 5 năm gần đây, đặc biệt trong là các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud computing), công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT), công nghệ thực tại ảo (Virtual reality), thực tại tăng cường (Augmented reality) và thực tại trộn (Mixed reality),...

Thứ hai, một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đặc biệt là hoạt động ĐMST, cũng như các quan hệ kinh tế - xã hội liên quan tới lĩnh vực này chưa được cập nhật để điều chỉnh một cách kịp thời, đồng bộ.

Thứ ba, một số nội dung trong Luật KH&CN 2013 mới dừng ở nguyên tắc chung, chưa được xác định một cách cụ thể, dẫn đến khó hoặc chậm đi vào cuộc sống, như: Điều 3 Luật KH&CN 2013 đã quy định về các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến hoạt động KH&CN tuy nhiên nội hàm các thuật ngữ nêu trên chưa làm rõ kết quả của từng loại hình hoạt động KH&CN phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, hay Điều 63 đã quy định nhà nước khuyến khích thành lập Quỹ

phát triển KH&CN của doanh nghiệp ngoài nhà nước tuy nhiên gần như không có doanh nghiệp FDI nào trích lập Quỹ cho thấy cơ chế khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn.

Thứ tư, chưa thể chế hóa được các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KH&CN, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn phát triển KH&CN, phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, như nội dung: "Tập trung phát triển một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới" tại Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, khi xây dựng Luật KH&CN 2013, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Vấn đề liên quan tới doanh nghiệp - chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động đổi mới sáng tạo - ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, tạo ra giá trị gia tăng và của cải, vật chất cho xã hội dù đã được đề cập trong Luật nhưng mới chỉ dừng ở nguyên tắc chung.

Trong giai đoạn hiện nay, các chủ thể tham gia phát triển và ứng dụng KH&CN có sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN), ngày càng xuất hiện nhiều nguồn lực đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cũng như nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật KH&CN 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy cần nghiên cứu và sửa đổi toàn diện Luật KH&CN.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Luật KH&CN (sửa đổi) sẽ tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả tới các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ theo cách tiếp cận toàn diện của hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy cả ba chức năng tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội và đóng góp cho nhân loại, từ đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đưa KH,CN&ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt mục tiêu kép của quốc gia vào năm 2030[4] và 2045[5] như Đại hội XIII đã đề ra.

---

[4] Đến 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.
[5] Đến 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH,CN&ĐMST; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, nhất là trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN.

- Kế thừa các quy định của Luật KH&CN 2013 còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với thực tiễn phát triển KH&CN của Việt Nam.

- Ban hành các chính sách mới thông qua các quy định cụ thể, tạo cơ sở pháp lý để phát triển nhanh, bền vững KH&CN, bắt kịp với sự phát triển KH&CN của thế giới.

- Mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật sang khu vực ngoài công lập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Quá trình triển khai xây dựng Luật

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 377/BKHCN-PC ngày 25/02/2022 đề nghị các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Luật KH&CN 2013.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 2124/BKHCN-PC ngày 06/7/2023 đến các bộ, ngành, địa phương đề nghị báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN 2013. Trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Luật và xây dựng hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN

- Hồ sơ đã được gửi xin ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Công văn số 3383/BKHCN-PC ngày 29/9/2023, đề nghị góp ý trước ngày 15/10/2023) và gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày 29/9/2023 đến ngày 28/10/2023). Ngày 18/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục gửi Công văn số 3717/BKHCN-PC đôn đốc góp ý hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật (đề nghị góp ý trước ngày 21/10/2023).

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của 68/96 cơ quan, gồm: 19/30 ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Đại học Quốc gia Hà Nội; 49/63 ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương. Trong tổng số 68 ý kiến đã nhận được, có 23 ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật.

- Ngày 20/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số

3763/BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật. Ngày 30/10/2023, Bộ Tư pháp đã gửi Công văn số 5190/BTP-PLDSKT đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hồ sơ, trong đó đề nghị bổ sung bản chụp và tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính.

- Ngày 04/12/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 4556/BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật. Ngày 08/12/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2895/QĐ-BTP thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN. Ngày 14/12/2023, Hội đồng thẩm định đã tổ chức họp để cho ý kiến thẩm định đối với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN.

- Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 287/BCTĐ-BTP ngày 25/12/2023.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN (Tờ trình số 5019/TTr-BKHCN ngày 28/12/2023).

- Tại Thông báo số 48/TB-VPCP ngày 07/02/2024 của Văn phòng Chính phủ, Kết luận của Thường trực Chính phủ: *"Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi); giao Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang làm Trưởng Ban Chỉ đạo; đồng thời khẩn trương hoàn thiện các chính sách, hồ sơ Đề nghị xây dựng luật để trình Chính phủ."*

- Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Tổ Công tác của Bộ do một Thứ trưởng làm Tổ trưởng tập trung xây dựng hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi). Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm, trao đổi chính sách với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp để làm rõ nội dung, các chính sách đề xuất trong Đề nghị xây dựng Luật; tổ chức làm việc trực tiếp, tham quan một số mô hình triển khai hoạt động KH&CN, tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 1026/BKHCN-PC ngày 27/3/2024 xin ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức hội, hiệp hội, liên đoàn về hồ sơ Đề nghị xây dựng luật (đề nghị góp ý trước ngày 12/4/2024). Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của 74/120 cơ quan, gồm: 22/24 ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 45/63 ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương; 07/33 ý kiến của doanh nghiệp, tổ chức hội, hiệp hội, liên đoàn. Trong tổng số 74 ý kiến đã nhận được, có 19 ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Kế thừa có chọn lọc các quy định của Luật KH&CN 2013 và bổ sung hoạt động ĐMST (thực chất là các hoạt động thúc đẩy ứng dụng, thương mại hóa, biến kết quả KH&CN thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, mang lại giá trị gia tăng cho đời sống, xã hội, người dân).

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam; tổ chức, cá nhân là người nước ngoài có liên quan đến hoạt động KH,CN&ĐMST tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Các đối tượng, chủ thể chịu sự tác động trực tiếp của Luật này được dự kiến bổ sung như sau:

- Bổ sung đối tượng tham gia hoạt động ĐMST. Bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST của các cơ sở giáo dục đại học để thể hiện đúng vai trò là chủ thể chính của hệ thống ĐMST quốc gia trong hoạt động tạo ra tri thức và cung cấp dịch vụ tri thức cho xã hội, doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò then chốt của doanh nghiệp trong chuỗi hoạt động từ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa kết quả KH&CN cho tới sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là kết quả KH&CN; từ đó, có các giải pháp thúc đẩy phù hợp.

- Các đối tượng thuộc khu vực công hay tư được đối xử công bằng, cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Doanh nghiệp là trung tâm, viện/trường là chủ thể nghiên cứu mạnh trong chuyển dịch hệ thống ĐMST quốc gia gắn với việc tái cân đối nguồn lực cả từ ngân sách nhà nước (NSNN) và nguồn lực xã hội đủ để thực hiện có hiệu quả định hướng chính sách này.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo với đầy đủ các đối tượng trong mọi thành phần kinh tế; tạo sự thuận lợi, hấp dẫn hơn, cạnh tranh được với khu vực và quốc tế, có năng lực thúc đẩy kết nối, hợp tác đối tác mạnh hơn ở trong nước và với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo năng động khác trên thế giới, đạt mục tiêu khuyến khích sự ra đời và phát triển mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thế hệ mới, dựa trên công nghệ, có tiềm năng tăng trưởng nhanh, khẳng định được vị trí trên thị trường trong nước và vươn ra quốc tế, có thể trở thành các doanh nghiệp trưởng thành lớn mạnh trong tương lai.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Chính sách 1: Đổi mới hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò của KH,CN&ĐMST trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Làm rõ các kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ gắn với kết quả đầu ra. Trên cơ sở đó làm rõ việc ứng dụng kết quả, các chính sách thúc đẩy của Nhà nước và cơ chế trao quyền sử dụng kết quả; chế độ báo cáo ứng dụng…

- Thúc đẩy sự phát triển của hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong thực tiễn.

- Tạo hành lang pháp lý minh bạch công khai và rõ ràng, tổ chức, cá nhân được hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong những lĩnh vực Nhà nước không cấm.

- Làm rõ và tăng cường trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trong việc quan tâm thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

1.2. Nội dung của chính sách

Đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST phù hợp với tình hình thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Làm rõ các kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ gắn với kết quả đầu ra. Trên cơ sở đó làm rõ việc ứng dụng kết quả, các chính sách thúc đẩy của Nhà nước và cơ chế trao quyền sử dụng kết quả; chế độ báo cáo ứng dụng…

- Thúc đẩy sự phát triển của hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong thực tiễn.

- Tạo hành lang pháp lý minh bạch công khai và rõ ràng, tổ chức, cá nhân được hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Bổ sung quy định về lĩnh vực bị cấm hoặc han chế nghiên cứu và phát triển, quy định về rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu và phát triển. Bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm chính sách đối với các công nghệ mới.

- Làm rõ và tăng cường trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trong việc quan tâm thúc đẩy ứng dụng,

đổi mới công nghệ trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

1.4. Lý do lựa chọn

Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, có tác dụng thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, ĐMST; giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

2. Chính sách 2: Đổi mới hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Thúc đẩy phát triển lành mạnh của tổ chức nghiên cứu và phát triển; duy trì và phát triển tổ chức dịch vụ KH&CN công lập; chuyển tổ chức dịch vụ KH&CN ngoài công lập theo hướng quản lý nhiều bởi luật doanh nghiệp và một phần bởi Luật KH&CN.

- Bảo đảm sử dụng hiệu quả kinh phí đầu tư cho hoạt động của tổ chức KH&CN công lập. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thúc đẩy các tổ chức chủ động nâng cao năng lực để được tuyển chọn nhiều nhiệm vụ KH&CN, đầu tư vào cơ sở vật chất dùng chung và trả lương cán bộ nghiên cứu và nhân viên hỗ trợ.

- Tăng thu nhập thường xuyên cho nhân lực nghiên cứu của tổ chức KH&CN, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu yên tâm nghiên cứu, không phải làm các thủ tục hành chính như: làm hồ sơ đăng ký tuyển chọn, thanh quyết toán.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức KH&CN ngoài công lập theo đúng lĩnh vực, mục tiêu đăng ký. Thúc đẩy phát triển hoạt động dịch vụ KH&CN.

2.2. Nội dung của chính sách

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, chỉ yêu cầu đăng ký tổ chức KH&CN. Các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật khác không phải đăng ký hoạt động KH&CN.

- Hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức KH&CN. Hoàn thiện quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Bổ sung quy định về về tiêu chí, mục đích, nội dung, chủ thể đánh giá tổ chức KH&CN.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Làm rõ khái niệm tổ chức KH&CN công lập, tổ chức KH&CN ngoài công lập để có chế định phù hợp cho 02 loại hình tổ chức này. Chỉ quy định đăng ký đối với tổ chức KH&CN, các tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu và phát triển không cần đăng ký hoạt động.

- Sửa đổi, bổ sung quyền và nghĩa vụ của tổ chức KH&CN. Xây dựng cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Bổ sung quy định về hoạt động KH,CN&ĐMST trong cơ sở giáo dục. Tăng cường liên kết giữa viện, trường và doanh nghiệp.

- Bổ sung nguyên tắc của hoạt động đánh giá, tiêu chí đánh giá, phương pháp, hình thức đánh giá, tổ chức/đơn vị tiến hành hoạt động đánh giá; các tổ chức đánh giá độc lập trong nước và quốc tế; các đơn vị đánh giá do các bộ, ngành, địa phương thành lập hoặc chỉ định; chuyên gia đánh giá.

- Quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

2.4. Lý do lựa chọn

Giải pháp mang lại nhiều tác động tích cực, bảo vệ quyền và nâng cao trách nhiệm của tổ chức KH&CN, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, giúp nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Chính sách 3: Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

3.1. Mục tiêu của chính sách

Thúc đẩy sự phát triển của nhân lực KH,CN&ĐMST không chỉ ở khu vực hàn lâm (viện nghiên cứu, trường đại học) mà lan tỏa, mở rộng nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST sang cả khu vực công lập (nhân lực quản lý KH,CN&ĐMST, nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên cao học) và ngoài công lập (nhà nghiên cứu độc lập, nhân lực trong doanh nghiệp) để có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng.

3.2. Nội dung của chính sách

- Mở rộng quy định về nhân lực KH&CN; khuyến khích phát triển nhân lực KH,CN&ĐMST để phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Bổ sung quy định về trao đổi nhân lực KH&CN giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; bổ sung quy định về chấp nhận rủi ro trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; bổ sung quy định về đạo đức trong nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung quy định để thu hút nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; thu hút các chuyên gia giỏi là chuyên gia, người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các chương trình đào tạo tại Việt Nam.

- Bổ sung quy định về tổ chức các giải thưởng KH&CN của bộ, ngành, tổ chức, cá nhân nhằm tôn vinh, khích lệ tinh thần nghiên cứu khoa học, sáng tạo của nhà khoa học và các tầng lớp nhân dân nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Mở rộng phạm vi điều chỉnh nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sang nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST và có chính sách phù hợp với từng đối tượng. Quy định các chức danh chung cho nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong mọi tổ chức, không phân biệt ở khu vực công lập hay ngoài công lập. Xác định cơ chế quản lý, ưu đãi, hỗ trợ tương ứng với các lực lượng nêu trên.

- Bổ sung quy định cử cán bộ nghiên cứu từ viện nghiên cứu, trường đại học định kỳ sang làm việc ngắn hạn ở doanh nghiệp để gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với thực tiễn, hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp, phục vụ cho xác định hướng nghiên cứu.

- Mở rộng phạm vi khen thưởng, đối tượng được khen thưởng phù hợp với các thành phần tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Bổ sung quy định để khuyến khích, thu hút các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi (ưu đãi đối với nhân lực…).

- Đề xuất các chế độ, chính sách thu hút nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ở Việt Nam.

- Bổ sung quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc chung về đạo đức trong nghiên cứu và giao cho các tổ chức KH&CN tự quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

3.4. Lý do lựa chọn

Giải pháp được lựa chọn mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu nâng cao số lượng và chất lượng nhân lực KH&CN, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (mục tiêu tại Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2039 là đạt 12 người/1 vạn dân theo quy đổi toàn thời gian).

4. Chính sách 4: Đổi mới phương thức triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với hiệu quả

4.1. Mục tiêu của chính sách

- Đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý

chương trình, nhiệm vụ KH&CN, phê duyệt, ký hợp đồng, cơ chế đặt hàng, đề xuất thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Đưa doanh nghiệp thực sự trở thành chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Hoàn thiện quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

4.2. Nội dung của chính sách

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý chương trình, nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; hoàn thiện quy trình, thủ tục triển khai thực hiện nhiệm vụ để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Quy định rõ trách nhiệm đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ các chương trình KH&CN để có giải pháp quản lý phù hợp.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Đổi mới, đơn giản hóa cơ chế quản lý, tổ chức triển khai nhiệm vụ KH&CN (đề xuất, xác định, tuyển chọn...) theo hướng giảm tải thời gian xét duyệt, yêu cầu, hồ sơ. Làm rõ hai loại hình nhiệm vụ KH&CN là nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ do Nhà nước tài trợ do tổ chức đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên của Nhà nước.

- Hoàn thiện quy định về nhiệm vụ KH&CN liên kết với doanh nghiệp (đồng tài trợ từ doanh nghiệp).

- Bổ sung quy định về hình thành, triển khai các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

+ Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 86a theo hướng:

3a.Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đang trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để khai thác cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp hoặc không cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Đối với trường hợp các đối tượng quy định tại khoản này không được cấp văn bằng bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức

chủ trì để ứng dụng kết quả nghiên cứu.

+ Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 191b theo hướng:

Đối với giống cây trồng đang trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để khai thác cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp hoặc không cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

Đối với trường hợp giống cây trồng quy định tại khoản này không được cấp văn bằng bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để ứng dụng kết quả nghiên cứu.- Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục rút gọn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp.

- Bổ sung quy định về việc công nhận nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh. Quy định cơ quan nhà nước đánh giá nhiệm vụ không sử dụng NSNN cần được thay bằng quy định tiêu chí để tổ chức, cá nhân tự đánh giá (đơn giản hóa quy trình, thủ tục).

- Bổ sung một số loại hình dự án ĐMST để hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khai thác sáng chế hết hạn bảo hộ hoặc sáng chế không bảo hộ tại Việt Nam; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm. Bổ sung quy định đặc thù về việc quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện dự án ĐMST để tách biệt với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và bảo đảm nguyên tắc trình tự, thủ tục được quy định phù hợp với tính chất của dự án ĐMST.

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và KNST; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác với các doanh nghiệp lớn.

- Bổ sung thêm các quy định về: đánh giá giữa kỳ đối với chương trình KH&CN làm căn cứ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình, cấp kinh phí, đánh giá hiệu quả của chương trình, điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt, gia hạn chương trình.

4.4. Lý do lựa chọn

Giải pháp được lựa chọn mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong phê duyệt các chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đưa nghiên cứu gắn với thị trường, tạo ra sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, phục vụ xã hội.

5. Chính sách 5: Thu hút đầu tư, tạo thuận lợi sử dụng ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

5.1. Mục tiêu của chính sách

Huy động nguồn đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST. Phân bổ, sử dụng hiệu quả, phù hợp kinh phí dành cho KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ trong lĩnh vực KH&CN.

5.2. Nội dung của chính sách

Hoàn thiện các quy định về: đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST; bổ sung các quy định để thu hút đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST; hoàn thiện quy định về quỹ phát triển KH&CN quốc gia, bộ, ngành, tỉnh, thành, doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động; làm rõ một số nội dung đã được quy định ưu đãi trong các luật thuế nhưng chưa được triển khai; đề xuất một số ưu đãi để làm cơ sở đề xuất trong các luật thuế.

5.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đặc biệt là các phòng thí nghiệm, sở vật chất cho các tổ chức KH&CN công lập.

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và KNST; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác với các doanh nghiệp lớn; trong đó có cả các chính sách về ưu đãi thuế quan và phi thuế quan.

- Hoàn thiện các công cụ chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST theo hướng quy định các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế để làm căn cứ đề xuất các chính sách cụ thể trong pháp luật về thuế.

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các nguồn lực ngoài công lập tham gia, đóng góp vào sự phát triển của hệ sinh thái KNST. Đề xuất cơ chế đầu tư, nhất là xã hội hóa để đầu tư các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học.

- Sửa đổi các nội dung chi NSNN cho phù hợp: quy định phê duyệt tổng kinh phí dự kiến cho chương trình KH&CN trong thời gian 5 năm làm căn cứ xác định kinh phí hằng năm. Đối với kinh phí hằng năm, phê duyệt dự toán kinh phí theo danh mục nhiệm vụ và mức trần kinh phí dự kiến cho từng nhiệm vụ. Bổ sung các mục chi: như chi NSNN cho hoạt động ĐMST, học bổng nghiên cứu cho nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; liên quan đến mua bản quyền xuất bản, quyền sở hữu sáng chế để hỗ trợ tổ chức/cá nhân dùng chung, đánh giá tổ chức KH&CN, chương trình KH&CN.

- Hoàn thiện quy định về xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng NSNN cho KH,CN&ĐMST để thuận tiện trong triển khai, phù hợp với tiến độ cấp kinh phí.

- Bổ sung quy định để có thể cấp kinh phí dự phòng cho nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

- Bỏ quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật KH&CN 2013: "*4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí KH&CN đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch KH&CN; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí KH&CN đúng mục đích, hiệu quả*" do chồng lấn với quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách. - Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST gắn với trách nhiệm báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

d) Sửa đổi quy định chỉ cho phép áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng với nhiệm vụ có tính rủi ro không cao. Bổ sung quy định đối với phần kinh phí khoán thì mua sắm vật tư, nguyên vật liệu không phải đấu thầu (tham khảo Nghị định 24/2024/NĐ-CP).

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học.

- Hoàn thiện quy định về cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới công nghệ và ĐMST sử dụng NSNN. Đối với đề tài, dự án cụ thể sẽ cấp về ngân sách của tổ chức chủ trì thực hiện đề tài để quản lý và chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

- Sửa đổi, bổ sung quy định để xác định mô hình hoạt động của các quỹ phù hợp (mô hình đơn vị sự nghiệp hay quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách…)

Để tiếp tục phát huy hiệu quả của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, tránh việc trùng lặp nhiệm vụ chi từ NSNN, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia theo hai phương án:

+ Phương án 1: Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhưng vẫn được NSNN cấp kinh phí hoạt động hằng năm.

+ Phương án 2: Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập, được cấp kinh phí cấp hằng năm dựa trên kết quả hoạt động của giai đoạn trước và cần phải bảo đảm các yêu cầu về quyết định phê duyệt như đối với các nhiệm vụ KH&CN khác. Dự toán kinh phí dành cho nhiệm vụ KH&CN mở mới hằng năm dựa trên kết quả số lượng nhiệm vụ KH&CN mở mới và trung bình kinh phí cho mỗi nhiệm vụ trong giai đoạn trước.

Với Phương án 2, Quỹ sẽ có điểm khác biệt với đơn vị sự nghiệp công lập là kinh phí được cấp hằng năm không phải bảo đảm yêu cầu về quyết định phê

duyệt như đối với các nhiệm vụ KH&CN khác. Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2 để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, góp phần vào việc nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia.

- Đề xuất 02 phương án quy định với Quỹ Phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương.

Phương án 1: bỏ quy định về quỹ do thời gian qua rất ít bộ, ngành, địa phương thành lập quỹ. Những quỹ đã thành lập thì tiếp tục xin dừng hoạt động do gặp khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý và nguồn kinh phí bố trí cho quỹ rất hạn chế dẫn đến quỹ hoạt động không hiệu quả.

Phương án 2: sửa đổi quy định theo hướng mở để các bộ, ngành, địa phương tùy tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ phát triển KH&CN.

Đối với nội dung này, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được 25 ý kiến góp ý cho nội dung Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó: 13 ý kiến chọn Phương án 1, bỏ quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương; 08 ý kiến chọn Phương án 2, giữ quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương và đề nghị sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn. 04 ý kiến khác của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị nghiên cứu, khảo sát thực tiễn để chọn phương án phù hợp nhất. Trên cơ sở tổng kết tình hình thực tiễn, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2 để các bộ, ngành, địa phương có thể lựa chọn thành lập quỹ hoặc không phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn. Đối với các quỹ đã thành lập mà các bộ, ngành, địa phương không muốn duy trì hoạt động, tại Nghị định của Chính phủ sẽ quy định về việc giải thể quỹ.

- Đối với Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ.

- Để đáp ứng đúng mục tiêu và phát huy hiệu quả của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ và ĐMST; đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 theo hướng: giao Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Quỹ đặc biệt nội dung hỗ trợ vốn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật Chuyển giao công nghệ, Quỹ gặp khó khăn về nguồn vốn nên cần được cấp kinh phí sự nghiệp KH&CN bổ sung hằng năm để thực hiện chức năng hỗ trợ vốn hiệu quả, kịp thời hỗ trợ cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

- Làm rõ các ưu đãi đối với doanh nghiệp trong các Luật thuế hiện hành để quy định các nội dung cụ thể, khả thi, phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp được hưởng các chính sách thuế đã có trong pháp luật về thuế.

5.4. Lý do lựa chọn

Giải pháp mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

6. Chính sách 6: Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.1. Mục tiêu của chính sách

- Huy động nguồn lực ngoài NSNN đầu tư phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST.

- Tăng cường đầu tư cho việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin. Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và chia sẻ dữ liệu thông tin KH,CN&ĐMST.

- Cập nhật các đối tượng, bổ sung các cơ chế chính sách để huy động nguồn lực ngoài NSNN đầu tư phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST.

- Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và chia sẻ dữ liệu thông tin KH,CN&ĐMST.

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

6.2. Nội dung của chính sách

Hoàn thiện các quy định về phát triển hạ tầng KH&CN, thông tin KH&CN; đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sử dụng hạ tầng KH&CN do Nhà nước đầu tư. Hoàn thiện chỉ tiêu thống kê về KH&CN để phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý KH,CN&ĐMST, công tác nghiên cứu.

6.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Bổ sung, cập nhật các thành tố của hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển phù hợp với định hướng phát triển KH,CN&ĐMST; hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn tiếp cận với cơ sở hỗ trợ KNST; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian của thị trường KH&CN tăng cường kết nối cung cầu công nghệ.

- Bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ KNST.

- Bổ sung quy định về việc khuyến khích đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm trọng điểm ngành, lĩnh vực, địa

phương, phòng thí nghiệm của tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ,...

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu mở để các nhà khoa học có thể cập nhật, chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu.

- Có chính sách sử dụng chung hạ tầng KH&CN, cho phép các tổ chức cá nhân có đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu đăng ký sử dụng để tránh lãng phí đầu tư, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ KH&CN được tiếp cận với hạ tầng KH&CN trong nghiên cứu.

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế. Bổ sung các quy định về chuyển đổi số trong KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung vấn đề kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch, thông tin giả mạo trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, nhất là trong thời kỳ bùng nổ trí tuệ nhân tạo (AI) như hiện nay.

6.4. Lý do lựa chọn

Giải pháp được lựa chọn mang lại nhiều lợi ích, cụ thể như sau: bao trùm được toàn bộ các đối tượng liên quan đến hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, tạo điều kiện thuận lợi cho cả Nhà nước, người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư từ NSNN và khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật từ nguồn kinh phí ngoài NSNN, mở rộng phạm vi, đối tượng và thu hút đầu tư ngoài xã hội cho KH,CN&ĐMST.

7. Chính sách 7: Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

7.1. Mục tiêu của chính sách

- Làm rõ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp để có cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy.

- Thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu, sáng chế ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, góp phần giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về thị trường KH&CN và các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

- Đánh giá xác thực bức tranh tổng thể hệ sinh thái KNST ở Việt Nam để có các điều chỉnh can thiệp chính sách ngắn hạn và trong dài hạn, để nó thực sự hấp dẫn hơn, có tính cạnh tranh hơn, năng động hơn, giàu sinh lực hơn mới hy vọng nâng cao số lượng và chất lượng các doanh nghiệp KNST của Việt Nam, tăng trưởng nhanh trên thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế.

7.2. Nội dung của chính sách

Bổ sung các ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp; tăng cường kết nối doanh

nghiệp với viện, trường. Hình thành một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ. Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN có đối tượng tham gia là doanh nghiệp.

7.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

- Làm rõ các ưu đãi đối với doanh nghiệp trong các Luật thuế hiện hành để quy định các nội dung cụ thể, khả thi, phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp được hưởng các chính sách thuế đã có trong pháp luật về thuế. Quy định một số hoạt động được ưu đãi để làm cơ sở đề xuất trong các luật thuế, đầu tư, tài chính.

- Hình thành một số chương trình mới hỗ trợ và đồng hành với doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ. Tăng cường nguồn lực đối ứng từ ngân sách để triển khai các dự án ĐMST do doanh nghiệp thực hiện hoặc hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện. Hoàn thiện quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) để thực hiện có hiệu quả cơ chế tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đối với mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp KNST.

- Chính sách lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp; các chương trình thực tập đối với sinh viên năm cuối, đề tài nghiên cứu sinh và học viên cao học để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp;... Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp. Quy định doanh nghiệp được cử nhân lực sang làm việc ở viện nghiên cứu, trường đại học để giới thiệu về kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kết quả nghiên cứu và tìm hiểu nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quy định về xử lý tài sản hình thành trước, trong và sau khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN mà bên tham gia là doanh nghiệp. Bổ sung quy định về giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để hoàn thiện, thương mại hóa.

- Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm mới; chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường và phát triển. Dịch vụ tư vấn kinh doanh tập trung nâng cao năng lực hấp thụ để áp dụng công nghệ, trong khi dịch vụ đổi mới công nghệ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ.

- Bổ sung quy định các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm để thương mại hóa như: hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, tiến tới phát triển công nghệ.

- Bổ sung các chương trình thúc đẩy hoạt động ĐMST: hoạt động ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa...

- Thành lập các tổ chức trung gian TLO/TTO tại viện nghiên cứu, trường đại học nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển giao sáng chế công nghệ từ đơn vị nghiên cứu tới đơn vị ứng dụng là doanh nghiệp.

- Thúc đẩy thành lập doanh nghiệp khởi nguồn (Spin off) từ sáng chế, công nghệ.

- Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN: các tổ chức đánh giá công nghệ, thẩm định giá công nghệ, hỗ trợ kết nối cung, cầu công nghệ, các trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong trường đại học. Đầu tư, phát triển sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về công nghệ, bản đồ công nghệ trong các ngành, lĩnh vực phục vụ hoạt động tìm hiểu, hoàn thiện, nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

7.4. Lý do lựa chọn

Giải pháp mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, góp phần thúc đẩy hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ và ĐMST; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đưa nghiên cứu gắn với thị trường, tạo ra hàng hóa phục vụ xã hội. Đồng thời, kiến nghị Quốc hội thông qua Luật KH&CN (sửa đổi) với các chính sách đề xuất để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp.

8. Chính sách 8: Tăng cường phổ biến tri thức khoa học và công nghệ

8.1. Mục tiêu của chính sách

- Thúc đẩy việc lan tỏa tri thức KH&CN, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Cung cấp hành trang cho doanh nghiệp cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường quốc tế.

- Thông tin khoa học dễ tiếp cận hơn giúp học sinh, sinh viên và người học nghề nắm bắt được những tiến bộ mới, từ đó phát triển năng lực và sự hiểu biết trong cộng đồng, nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng môi trường khoa học mở phục vụ phát triển bền vững.

8.2. Nội dung của chính sách

Xây dựng các quy định liên quan đến chia sẻ thông tin, cơ chế nuôi dưỡng niềm đam mê KH&CN, văn hóa ĐMST trong cộng đồng.

8.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Cụ thể hóa các quy định về truyền thông KH&CN để tăng cường hiệu quả truyền bá thông tin KH&CN. Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa các phương thức truyền thông, phổ biến tri thức: giáo dục STEM, STEAM cho học sinh; tổ chức các hội nghị, hội thảo; các ngày hội về truyền thông, phổ biến tri thức nhân ngày KH&CN Việt Nam 18/5; quy định các viện nghiên cứu, trường đại học mở cửa phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tham quan và được hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu; đầu tư nâng cao tiềm lực các tạp chí KH&CN để phổ biến, lan tỏa tri thức; xây dựng bảo tàng khoa học, công viên khoa học với không gian mở; xây dựng cơ sở dữ liệu mở để phổ biến, lan tỏa tri thức, nhất là các kết quả nghiên cứu có tính ứng

dụng cao vào đời sống. Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông về KH,CN&ĐMST.

Các hoạt động cụ thể:

- Xây dựng cơ chế, biện pháp truyền thông phù hợp, hiệu quả cho tri thức KH&CN, nhất là khoa học thường thức, nhằm giúp cho các nhóm đối tượng khác nhau hiểu rõ về vai trò của KH&CN.

- Có cơ chế chia sẻ tri thức KH&CN, xây dựng chính sách khoa học mở.

- Có các chương trình cụ thể nhằm thúc đẩy nuôi dưỡng đam mê khoa học và ĐMST cho cộng đồng, đặc biệt là người trẻ để lan tỏa tình yêu khoa học, yêu nghiên cứu và khám phá.

- Có cơ chế đầu tư, nhất là xã hội hóa để đầu tư các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học.

8.4. Lý do lựa chọn

Thúc đẩy việc lan tỏa tri thức KH&CN, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA VÀ VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

1. Về nguồn kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua chủ yếu gồm: kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, kinh phí tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (chi phí cho in ấn, thông tin đại chúng, phổ biến giáo dục pháp luật…); chi phí triển khai thi hành Luật và chi phí theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất. Nguồn kinh phí triển khai chính sách hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp ĐMST; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST; chi cho hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST; học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kinh phí mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung; dự án ĐMST, hoạt động ĐMST.

Các khoản chi này sẽ nằm trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho KH&CN hằng năm và nhiều nội dung đã được Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai trong thực tiễn thông qua các chương trình, nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN.

2. Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-

NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50- KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

3. Về vấn đề cần xin ý kiến của Chính phủ

Sau khi rà soát, nghiên cứu, Luật KH&CN (sửa đổi) mở rộng phạm vi điều chỉnh từ hoạt động KH&CN sang hoạt động KH,CN&ĐMST. Về đối tượng áp dụng của Luật bao gồm: các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam; tổ chức, cá nhân là người nước ngoài có liên quan đến hoạt động KH,CN&ĐMST tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Do vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất đổi tên Luật thành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét cho ý kiến: tháng 5/2025.

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét thông qua Luật: tháng 10/2025.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật KH&CN (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(*Xin gửi kèm theo*: (i) Đề cương Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi); (iii) Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN 2013)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bùi Thế Duy